

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 294/2019/HNGĐ-ST

Ngày 20-11-2019

“V/v Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Xuân Minh

2. Ông Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Việt Xô - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 655/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019, về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1984 (có mặt).

Trú tại: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

Chỗ ở: Ấp 7, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T sống chung từ năm 2005, hôn nhân do bà tự nguyện lựa chọn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau vào ngày 11 tháng 01 năm 2005. Bà và ông Nguyễn Văn T ly hôn khoảng 02 tháng nay.

Lý do bà yêu cầu ly hôn: Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay, bà yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn T có 01 người con chung là Nguyễn Quốc D, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2006. Bà yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông Nguyễn Văn T tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông T không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của bà B về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn. Hôn nhân do ông tự nguyện lựa chọn. Ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ.

Về con chung: Ông và bà B có 01 người con chung là Nguyễn Quốc D, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2006. Ông yêu cầu xem xét theo nguyện vọng của con, không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con nếu con theo ông.

Về tài sản chung: Ông và bà B tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà B không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là ly hôn, nuôi theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận định, bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn T sống chung với nhau từ năm 2005, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau vào ngày 11 tháng 01 năm 2005 nên được công nhận là vợ chồng từ ngày đăng ký kết hôn. Bà Nguyễn Thị B yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn T với lý do: Bà không còn tình cảm với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy, bà B và ông T đã phát sinh mâu thuẫn nhưng các bên không có biện pháp nào hàn gắn mối quan hệ vợ chồng và cũng không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân thêm trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận cho bà Nguyễn Thị B ly hôn ông Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B có 01 người con chung là Nguyễn Quốc D, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2006. Cháu D đã trên 07 tuổi có nguyện vọng được ông Nguyễn Văn T nuôi dạy nên giao cháu D cho ông Nguyễn Văn T nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Ông Nguyễn Văn T không yêu cầu bà Nguyễn Thị B cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của ông T nên không buộc bà B cấp dưỡng nuôi cháu D. Bà B có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Ông T và bà B tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông T, bà B xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà B phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình. Ông T không phải án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 28, 35, 39, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị B ly hôn ông Nguyễn Văn T.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc D, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2006 cho ông Nguyễn Văn T nuôi đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị B không phải cấp dưỡng nuôi cháu D. Bà Nguyễn Thị B có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân, bà B có nộp tạm ứng 300.000 đồng tại biên lai thu số 0002747, ngày 04 tháng 10 năm 2019, được chuyển thu đối trừ. Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị B được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đặng Minh Trung